

Phụ lục
DỰ TOÁN, NỘI DUNG CHI KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN
TỰ CHỦ NĂM 2023 CƠ QUAN CHI CỤC KIỂM LÂM

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CCKL ngày /02/2024 của cơ quan Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Khoản	Mã nguồn	Dự toán chi	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
I	CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	341	12	3.363.000.000	-1.024.236.000	2.338.764.000
1	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Đảng		12	15.000.000	0	15.000.000
	- Chi mua báo, tạp chí					
	- Chi khác			15.000.000		15.000.000
2	Bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành			20.000.000	-20.000.000	0
	- Bồi dưỡng thanh tra chuyên ngành theo Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg; tiếp công dân			20.000.000	-20.000.000	0
3	Trang phục Kiểm lâm			1.012.000.000	-986.743.000	25.257.000
	- Mua sắm trang phục Kiểm lâm theo quy định tại Nghị định số 01/2019/NĐ-CP của Chính phủ			1.012.000.000	-986.743.000	25.257.000
4	Kinh phí phục vụ xử phạt VPHC theo Thông tư 153/2013/TT-BTC			202.000.000	0	202.000.000
	- Công tác phí trong và ngoài tỉnh			20.000.000	16.150.000	36.150.000
	- Mua sắm trang thiết bị			10.000.000	4.900.000	14.900.000
	- Sửa chữa công cụ, dụng cụ, phương tiện, tài sản			70.000.000	11.167.700	81.167.700
	- Xăng, dầu cho phương tiện phục vụ công tác			20.000.000	8.112.975	28.112.975
	- Chi phí mua tin			10.000.000	-10.000.000	-
	- Thông tin liên lạc			5.000.000	-2.025.130	2.974.870
	- Văn phòng phẩm			30.000.000	-9.606.562	20.393.438
	- In ấn tài liệu, ấn phẩm truyền thông			5.000.000	-1.250.000	3.750.000
	- Hội nghị, tập huấn công tác xử phạt VPHC			10.000.000	-1.015.000	8.985.000
	- Chi khen thưởng			5.000.000	-5.000.000	-
	- Bồi dưỡng làm đêm, thêm giờ			10.000.000	-10.000.000	-
	- Chi khác (phí, lệ phí ô tô, ...)			7.000.000	-1.433.983	5.566.017
5	Kinh phí sửa chữa tài sản			1.170.000.000	0	1.170.000.000
	- Mua sắm máy vi tính			270.000.000	0	270.000.000
	- Sửa chữa Hạt KL huyện An Lão và Hoài Ân			900.000.000	0	900.000.000
6	Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp tỉnh Bình Định			81.000.000	0	81.000.000
	- Xăng xe ô tô, mô tô			10.000.000	-5.757.600	4.242.400
	- Văn phòng phẩm, in ấn tài liệu			5.000.000	28.800	5.028.800
	- Phụ cấp kiêm nhiệm			39.600.000	-13.000	39.587.000
	- Công tác phí			10.000.000	1.727.800	11.727.800
	- Sửa chữa xe ô tô, mô tô, trang thiết bị			10.000.000	7.740.000	17.740.000
	- Chi khác			6.400.000	-3.726.000	2.674.000
7	Kinh phí truy quét chốt chặn bảo vệ rừng			48.000.000	0	48.000.000
	- Xăng xe ô tô kiểm tra chốt chặn			20.000.000	-3.901.588	16.098.412
	- Văn phòng phẩm			10.000.000	-1.198.418	8.801.582
	- Công tác phí			10.000.000	-2.670.000	7.330.000
	- Chi khác			8.000.000	7.770.006	15.770.006
8	Trang bị thiết bị phục vụ công tác điều tra			815.000.000	-17.493.000	797.507.000
	- Trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình phục vụ công tác điều tra tại Hạt Kiểm lâm huyện An Lão và Tây Sơn			815.000.000	-17.493.000	797.507.000
II	CHI SỰ NGHIỆP			1.019.000.000	-39.372.000	979.628.000
1	Sự nghiệp Lâm nghiệp	282	12	922.000.000	-39.372.000	882.628.000
1.1	Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp.			879.000.000	-39.372.000	839.628.000
	- Mua sắm thiết bị PCCCR			30.000.000	-30.000.000	0

Số TT	Nội dung	Khoản	Mã nguồn	Dự toán chi	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
	- Sửa chữa thiết bị PCCCR			50.000.000	41.811.009	91.811.009
	- Nhiên liệu phục vụ PCCCR			100.000.000	-32.665.036	67.334.964
	- Phụ cấp làm ngoài giờ trực PCCCR các ngày nghỉ (thứ 7 và CN) trong mùa cao điểm cháy rừng			80.000.000	-74.715.000	5.285.000
	- Chi công tác tuyên truyền bảo vệ rừng, PCCCR			100.000.000	34.118.027	134.118.027
	- Xây dựng, tu sửa panô, bảng qui ước tuyên truyền bảo vệ rừng và dự báo cháy rừng			300.000.000	-14.527.000	285.473.000
	- Chi ngoại nghiệp (công tác điều tra, khoan vẽ...)			90.000.000	24.558.000	114.558.000
	- Chi nội nghiệp (xử lý số liệu, in bản đồ ...)			70.000.000	-10.314.466	59.685.534
	- Chi hội nghị, tài liệu (văn phòng phẩm, sửa máy photocopy Ao ...)			30.000.000	30.197.256	60.197.256
	- Chi khen thưởng công tác bảo vệ rừng (QĐ Sở Nông nghiệp và PTNT)			10.000.000	-2.550.000	7.450.000
	- Chi khác			19.000.000	-5.284.790	13.715.210
1.2	- Kinh phí phòng chống cháy rừng			43.000.000	0	43.000.000
	Tuần tra, kiểm soát chữa cháy rừng, trực PCCCR 24/24			43.000.000	0	43.000.000
	- Hỗ trợ trực PCCCR			40.000.000	3.000.000	43.000.000
	- Chi khác			3.000.000	-3.000.000	0
2	Sự nghiệp Đào tạo	085	12	97.000.000	0	97.000.000
	- Kinh phí tập huấn nghiệp vụ			97.000.000	0	97.000.000
	Tổng kinh phí (I+II)			4.382.000.000	-1.063.608.000	3.318.392.000

